TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2020
V/v tranh chấp về ly hôn
và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Quen

2. Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm 1978 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp L, xã D, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05-5-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Mai Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Ngọc T chung sống như vợ chồng khoảng năm 1992 -1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Lúc chung sống với bà T năm ông đã 19-20 tuổi (thực tế ông sinh năm 1973 nhưng khi làm sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân thì khai là ông sinh năm 1978 để tránh đi nghĩa vụ). Trong thời gian chung sống, ông và bà T do bất đồng quan điểm nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau từ năm 2019. Sau đó, bà T dọn ra thuê nhà trọ ở cho đến nay. Ông có khuyên bà T về tiếp tục chung sống nhưng bà T không đồng ý. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Ngọc T có con là Mai Thị Kim N, sinh năm 1993, Mai Văn H, sinh năm 1995 và Mai Hoàng P, sinh ngày 18/6/2004. Đối với Mai Hoàng P ông đồng ý cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 08-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Mai Văn N chung sống như vợ chồng khoảng năm 1992-1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và ông N xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà thuê nhà trọ ở riêng từ năm 2019 cho đến nay. Nếu ông N muốn ly hôn thì bà đồng ý.

- Về con chung: Bà và ông N có con là Mai Thị Kim N, sinh năm 1993, Mai Văn H, sinh năm 1995 và Mai Hoàng P, sinh năm 2004. Đối với Mai Hoàng P thì bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông N không có nợ chung.

Em Mai Hoàng P là con chung của ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T có văn bản nêu ý kiến là được sống với bà Nguyễn Ngọc T nếu bà T và ông N ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Mai Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Ngọc T và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa ông N và bà T. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại ấp Láng Cháo, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T đều trình bày thống nhất ông bà chung sống từ khoảng năm 1992-1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù bà Nguyễn Ngọc T có ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Mai Văn N. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định như sau: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định*

của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…" và "*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này…"*.. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T.

[4] Về con chung: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T thống nhất có con chung Mai Thị Kim N, sinh năm 1993, Mai Văn H, sinh năm 1995 và Mai Hoàng P, sinh năm 2004. Đối với em Mai Hoàng P, ông N và bà T thống nhất giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của em P. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao em Mai Hoàng P cho bà Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và nguyện vọng của em P.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Ngọc T đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi nuôi em Mai Hoàng P cho đến khi em P đủ 18 tuổi nhưng bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu em Mai Hoàng P chưa đủ 18 tuổi thì bà Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về chia tài sản chung: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc Tg đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung (nếu có tài sản chung) nhưng ông N và bà T vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T đều khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *"Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn..."*. Vì vậy, ông Mai Văn N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao em Mai Hoàng P, sinh ngày 18/6/2004 cho bà Nguyễn Ngọc T tiếp tục tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở bà Nguyễn Ngọc Tvà ông Mai Văn N trong việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nôm con.

Vì lợi ích của em Mai Hoàng P, khi cần thiết và có yêu cầu của Mai Văn N hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Mai Văn N lạm dụng việc thăm nôm để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nôm con của ông Mai Văn N theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Ngọc T là người được giao nuôi em Mai Hoàng P nhưng bà T không có yêu cầu ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Ngọc T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi em Mai Hoàng P theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì ông N hoặc bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Ông Mai Văn N và bà Nguyễn Ngọc T đều khai không có nợ chung nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc ông Mai Văn N phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:0007239 ngày 05-05-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, ông Mai Văn N đã nộp xong án phí. Bà Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí.

7. Nguyên đơn ông Mai Văn N và bị đơn bà Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh